

CHUYÊN MỤC

KINH TẾ HỌC - XÃ HỘI HỌC

NHỮNG CHUYỂN BIẾN CỦA KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH DƯƠNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA

LÊ VY HẢO

Bài viết trình bày những chuyển biến trong quy mô, cơ cấu và tính chất của kinh tế nông nghiệp tỉnh Bình Dương dưới tác động của quá trình đô thị hóa. Qua đó, có thể thấy mối quan hệ mật thiết và tương hỗ giữa đô thị hóa với kinh tế nông nghiệp và sự chuyển hướng một cách toàn diện từ một hình thái nông nghiệp truyền thống sang kinh tế nông nghiệp hiện đại nhằm phù hợp cơ chế thị trường của tỉnh Bình Dương.

1. VAI TRÒ CỦA KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TRONG THỜI KỲ ĐÔ THỊ HÓA CỦA BÌNH DƯƠNG

Mang nhiều đặc điểm tương đồng với các tỉnh khu vực Đông Nam Bộ, hoạt động kinh tế nông nghiệp tỉnh Bình Dương trong những năm vừa qua đã thay đổi rõ rệt dưới tác động của quá trình đô thị hóa. Mục tiêu của sản xuất nông nghiệp không phải là đảm bảo tự cung tự cấp lương thực, mà vận động dưới sự chi phối và điều tiết của cơ chế kinh tế thị trường, điều chỉnh theo

thế mạnh của vùng, phát huy tiềm lực địa phương, tạo ra lợi ích kinh tế tối ưu. Cùng với cả nước, cơ cấu nông nghiệp Bình Dương từng bước được chuyển đổi theo hướng “đa dạng hóa sản xuất, phát triển nông nghiệp toàn diện để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tăng lên của xã hội và phát triển ngành nghề phi nông nghiệp nhằm rút bớt lao động ra khỏi nông nghiệp và nông thôn, tăng năng suất lao động nông nghiệp và tăng thu nhập của hộ nông dân” (Đào Thế Anh, Đào Thế Tuấn, Lê Quốc Doanh, 2008, tr. 3).

Từ xuất phát điểm “lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, gắn sản xuất với chế biến nhằm giải quyết một cách hợp lý yêu cầu lương thực, thực phẩm

Lê Vy Hảo. Thạc sĩ. Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED), mã đề tài IV1.3-2011.

tại chỗ” (Đảng bộ tỉnh Sông Bé, 1986, tr. 32), Bình Dương hướng đến việc quy hoạch phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển nông nghiệp bền vững “theo hướng sản xuất với các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả cao, cung cấp nguyên liệu cho sản xuất, xuất khẩu và đáp ứng được nhu cầu thị trường các khu đô thị, khu công nghiệp tại chỗ và thị trường vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, gắn với công nghiệp chế biến và dịch vụ” (Đảng bộ tỉnh Bình Dương, 1998, tr. 44). Bên cạnh đó, định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp Bình Dương thời kỳ mới có mối quan hệ tương hỗ với định hướng đô thị hóa nông thôn theo chủ trương “xây dựng nông thôn mới, từng bước chuyển sang một nền nông nghiệp sạch (môi trường sạch, sản phẩm sạch) và phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa” (Đảng bộ tỉnh Bình Dương, 1998, tr. 44).

Tuy không có tốc độ tăng trưởng ấn tượng như công - thương nghiệp, nông nghiệp Bình Dương vẫn có chỗ đứng quan trọng, góp phần tạo dựng nền tảng vững chắc cho kinh tế - xã hội của tỉnh; tham gia trực tiếp vào quá trình đô thị hóa, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Vai trò quan trọng của kinh tế nông nghiệp đối với sự phát triển của đô thị Bình Dương được khẳng định ở chỗ “không chỉ ở cần bảo đảm cung cấp các loại nông phẩm cần thiết cho sản xuất và sinh hoạt đô thị, mà còn phải

chuẩn bị sức lao động cần thiết cho phát triển kinh tế đô thị” (Phạm Ngọc Côn, 1999, tr. 50).

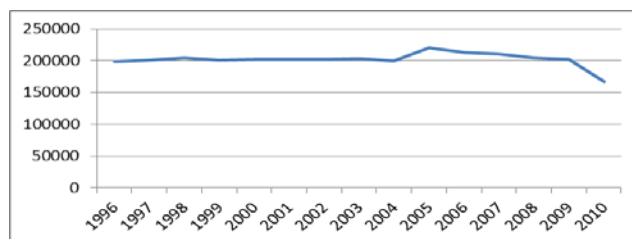
Việc quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp và nông thôn luôn có sự kết hợp với công tác ổn định và nâng cao đời sống nông dân, nhất là ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng chậm phát triển. Các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp nông thôn (chương trình 327, 773,...) đều gắn với việc phát triển kinh tế hộ nông - lâm nghiệp, giúp cho đời sống nông dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện rõ rệt, qua đó góp phần hiện đại hóa nông nghiệp, tạo nên bộ mặt kinh tế - xã hội mới cho nông thôn.

2. NHỮNG CHUYỂN BIẾN CỦA KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH DƯƠNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA

2.1. Sự thu giảm của diện tích trồng trọt và nhân lực nông nghiệp

Sự thu hẹp diện tích đất trồng và sụt giảm số nông hộ của tỉnh Bình Dương là hệ quả tất yếu và tỷ lệ thuận với quá trình đô thị hóa. Đây là dấu hiệu đầu tiên của sự phá vỡ tính chất của nông nghiệp truyền thống, vốn dựa

Biểu đồ 1. Diện tích (ha) các loại cây trồng Bình Dương 1996 - 2000



Nguồn: Tổng hợp số liệu *Niên giám thống kê tỉnh Bình Dương 1996 - 2010*.

vào số đông lao động và diện tích sản xuất lớn (xem Biểu đồ 1).

Quá trình thu hẹp diện tích trồng trọt trên địa bàn tỉnh Bình Dương diễn ra theo trục Nam - Bắc, cùng chiều với sự lan tỏa của quá trình đô thị hóa. Hiện nay, diện tích đất nông nghiệp khu vực phía Nam Bình Dương chỉ còn chiếm khoảng dưới 25% tổng quỹ đất tự nhiên. Hai huyện Thuận An và Dĩ An là những địa phương điển hình cho sự “phá hủy tính chất nông nghiệp” trong quá trình đô thị hóa. Cho đến đầu thập niên 1990, cùng với các địa phương khác của Bình Dương, hai huyện này vẫn là khu vực thuần nông, trong đó diện tích trồng cây lương thực là 5.313ha, chiếm 36,8% diện tích tự nhiên (Sở Giáo dục và Đào tạo, 1992, tr. 126). Tuy nhiên, diện tích trồng trọt của Thuận An, Dĩ An giảm nhanh trong quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa. Đến năm 2010, tổng diện tích trồng cây lương thực của hai huyện này chỉ còn 202ha, chiếm khoảng 1,4% tổng diện tích đất tự nhiên và 1,9% diện tích trồng cây lương thực toàn tỉnh (Cục Thống kê Bình Dương, 2010, tr. 110).

Trong khi đó, tại các huyện phía Bắc như Dầu Tiếng, Phú Giáo, một phần

Bến Cát và Tân Uyên, do kinh tế nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo nên diện tích đất trồng trong giai đoạn 20 năm sau khi tỉnh Bình Dương tái lập (năm 1997), vẫn được duy trì ở mức độ cao⁽¹⁾. Diện tích đất nông nghiệp tại các huyện này chỉ thực sự giảm từ năm 2009, khi Bình Dương thực hiện chủ trương bước đầu chuyển các khu công nghiệp lên vùng nông thôn phía Bắc, đẩy nhanh quá trình điều chỉnh mục đích sử dụng đất. Dấu hiệu sụt giảm rõ ràng nhất là vào năm 2010, diện tích trồng trọt của Bình Dương giảm đến hơn 34.000ha (Cục Thống kê Bình Dương, 2010, tr. 107), kết quả của việc chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất chuyên dùng và đất ở.

Song song với sự thu hẹp của diện tích đất nông nghiệp là sự sụt giảm của lực lượng lao động nông nghiệp. Bình Dương là một trong những tỉnh giảm nhiều lao động nông nghiệp với tốc độ trên 5%/năm (Đào Thế Anh, Đào Thế Tuấn, Lê Quốc Doanh, 2008, tr. 6). Trong vòng 15 năm (1996 - 2010), tỷ trọng lao động nông nghiệp của tỉnh giảm hơn 5 lần, từ 60% (1996) xuống còn có 11,7% (2010) so với tổng số lao động (Cục Thống kê Bình

Bảng 1. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp Bình Dương theo giá so sánh (2000 - 2009)
(Đơn vị tính: triệu đồng)

| Ngành | 2000 | | 2003 | | 2006 | | 2009 | |
|------------|-----------|--------|-----------|--------|-----------|--------|-----------|--------|
| | Giá trị | Cơ cấu | Giá trị | Cơ cấu | Giá trị | Cơ cấu | Giá trị | Cơ cấu |
| Trồng trọt | 1.310.160 | 85.8 | 1.531.201 | 83.5 | 1.715.661 | 79.1 | 1.814.913 | 73 |
| Chăn nuôi | 195.272 | 12.8 | 279.226 | 15.2 | 425.523 | 19.6 | 631.919 | 25.4 |
| Dịch vụ | 21.686 | 1.4 | 22.804 | 1.2 | 28.134 | 1.3 | 40.279 | 1.6 |

Nguồn: Tổng hợp số liệu *Niên giám thống kê tỉnh Bình Dương 1996 - 2010*.

Dương, 2010, tr. 30)⁽²⁾. Lực lượng lao động nông nghiệp bị thu hẹp là kết quả tất yếu của sàng lọc lao động tự nhiên trong quá trình đô thị hóa. Sự mở rộng của lĩnh vực công nghiệp và sự xâm nhập của quá trình đô thị hóa đến nông thôn là hai yếu tố quan trọng tác động đến quá trình chuyển đổi ngành nghề, kết quả là một bộ phận lớn lao động nông nghiệp chuyển sang lĩnh vực lao động phi nông nghiệp. Tuy số lượng ít nhưng bộ phận lao động nông nghiệp còn lại tại các địa phương là lực lượng “nòng cốt” trong sản xuất nông nghiệp⁽³⁾.

2.2. Sự chuyển đổi cơ cấu trong kinh tế nông nghiệp

Dưới áp lực chuyển đổi mục đích sử dụng đất và tác động điều tiết của cơ chế thị trường, cơ cấu ngành nông nghiệp có sự chuyển dịch phù hợp với quá trình đô thị hóa (xem Bảng 1).

Trong điều kiện quỹ đất nông nghiệp bị thu hẹp, ngành chăn nuôi được chú trọng phát triển, tốc độ tăng nhanh hơn trồng trọt và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu nông nghiệp. So với năm 2000, đến năm 2009 giá trị của ngành chăn nuôi đã tăng từ 12,8% lên 25,4%⁽⁴⁾ tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của Bình Dương (tính toán theo Cục Thống kê Bình Dương, 2010, tr. 104). Trong cơ cấu ngành chăn nuôi, các loại vật nuôi lấy thịt phục vụ cho sinh hoạt và ngành

Bảng 2. Số lượng một số vật nuôi của tỉnh Bình Dương (1996 - 2010)

| | 1996 | 2000 | 2005 | 2010 |
|-------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Đàn trâu | 19.763 | 16.663 | 15.706 | 5.670 |
| Đàn bò | 31.229 | 27.128 | 35.691 | 29.913 |
| Đàn lợn | 87.133 | 178.894 | 291.666 | 385.197 |
| Đàn gia cầm | 1.364.807 | 2.224.860 | 1.720.697 | 2.828.623 |

Nguồn: Tổng hợp số liệu *Niên giám thống kê tỉnh Bình Dương* 1996 - 2010.

công nghiệp chế biến thực phẩm (bò, lợn và gia cầm)⁽⁵⁾ tăng nhanh trong khi đàn trâu giảm rất nhiều do nhu cầu về sức kéo không cao, giá trị sản xuất thịt thấp (xem Bảng 2).

Đối với lĩnh vực trồng trọt, cơ cấu cây trồng từng bước chuyển dịch theo hướng giảm nhanh diện tích cây lương thực và cây công nghiệp hàng năm, tăng các loại cây công nghiệp lâu năm, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu dưới sự điều tiết của nền sản xuất hàng hóa. Diện tích đất trồng cây hàng năm ngày càng giảm, nhường chỗ cho đất trồng cây lâu năm, cây ăn quả, các loại cây có giá trị kinh tế cao và một phần chuyển sang đất công nghiệp và các khu dân cư (xem Biểu đồ 2).

Cho đến năm 2010, Bình Dương vẫn là tỉnh có vị trí thấp nhất Đông Nam Bộ về cả diện tích lẫn sản lượng lương thực có hạt⁽⁶⁾. Do điều kiện thổ nhưỡng không phù hợp, lúa vốn không phải là cây trồng chủ đạo trong cơ cấu nông nghiệp Bình Dương, trong giai đoạn này càng bị thu giảm. Diện tích trồng lúa của Bình Dương năm 2010 chỉ còn khoảng 10.000ha,

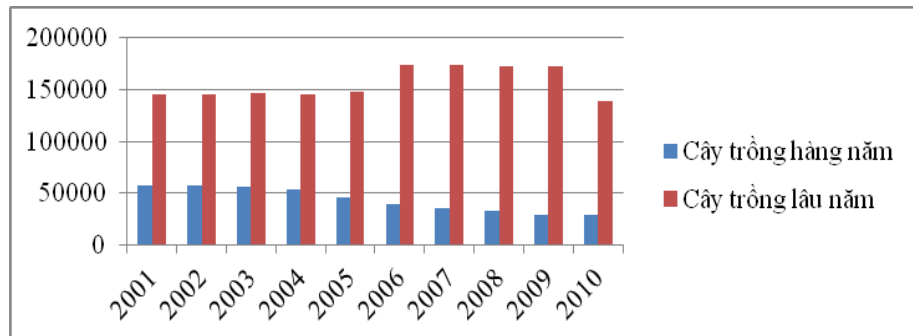
giảm hơn 2,5 lần so với năm 1997. Tuy vậy, nhờ việc áp dụng khoa học kỹ thuật và giống mới⁽⁷⁾, năng suất lúa của tỉnh chỉ giảm 1,8 lần⁽⁸⁾ (Tổng cục Thống kê Việt Nam) (xem Biểu đồ 3).

Trong khi đó, cây công nghiệp – thế mạnh trong ngành trồng trọt của Bình Dương, tiếp tục được mở rộng, chiếm tỷ lệ cao trong tổng diện tích cây trồng trong thời kỳ đổi mới. Sự tăng trưởng này phản ánh xu hướng “công nghiệp hóa” trong lĩnh vực nông nghiệp. Nguyên nhân là do khi chuyển đổi sang kinh tế công nghiệp, yêu cầu về nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản

xuất công nghiệp ngày càng lớn để giảm bớt gánh nặng nhập khẩu. Diện tích cây trồng công nghiệp trong thời kỳ đầu công nghiệp hóa Bình Dương (1996 - 2004) tăng hơn 12.000ha.

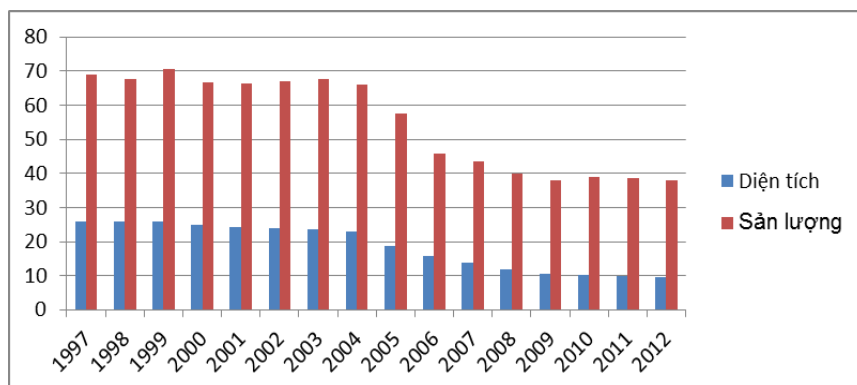
Tuy nhiên, sang thời kỳ bùng nổ đô thị hóa, diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lại có xu hướng giảm mạnh. Trong vòng 5 năm (2006 - 2010), cùng với quá trình đô thị hóa nông thôn và sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế, diện tích cây công nghiệp Bình Dương hàng năm đã giảm hơn sáu lần (từ 18.263ha xuống còn 2.890ha)⁽⁹⁾, nhiều nhất là ở các huyện Phú Giáo, Dầu

Biểu đồ 2. Diện tích cây trồng (ha) hàng năm và lâu năm của Bình Dương (2001 - 2010)



Nguồn: Tổng hợp số liệu Niên giám thống kê tỉnh Bình Dương 2001 - 2010.

Biểu đồ 3. Diện tích lúa (ha) và sản lượng lúa (nghìn tấn) của Bình Dương giai đoạn 1997 - 2012



Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam.

Bảng 3: Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm (ha)

| | 1996 | 1998 | 2000 | 2002 | 2004 | 2006 | 2008 | 2010 |
|--------|--------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| Cao su | 69.013 | 89.813 | 94.585 | 98.970 | 102.573 | 110.528 | 123.411 | 129.881 |
| Điều | 22.231 | 16.890 | 13.849 | 12.487 | 11.780 | 10.791 | 6.646 | 3.229 |
| Tiêu | 175 | 249 | 786 | 884 | 985 | 664 | 535 | 396 |
| Cà phê | 126 | 475 | 615 | 554 | 536 | 339 | 6 | 4 |
| Tổng | 91.545 | 107.427 | 109.835 | 112.895 | 115.874 | 122.322 | 130.598 | 133.510 |

Nguồn: Tổng hợp số liệu *Niên giám thống kê tỉnh Bình Dương* 1996 - 2010.

Tiếng và Bến Cát (tổng hợp theo Cục Thống kê Bình Dương, 2010, tr. 118 - 120). Thay vào đó, diện tích đất công nghiệp và đất ở tăng lên nhanh chóng ở những địa phương này.

Trái với tình trạng của cây công nghiệp hàng năm, diện tích cây công nghiệp lâu năm, chủ yếu là cây cao su, tăng đều đặn từng năm nhằm đáp ứng nhu cầu liên tục về mủ cao su phục vụ công nghiệp. So với năm 1996, diện tích trồng cao su năm 2010 đã tăng gần gấp hai lần (xem Bảng 3).

Nguyên nhân của thực trạng này là do sức hút từ thị trường mủ cao su, thể hiện bằng việc giá mủ tăng lên liên tục trong giai đoạn 2008 - 2010. Nhiều xã nông nghiệp của Bình Dương đã tự phát chuyển đổi nhanh chóng sang trồng cây cao su. Ông Bạch Văn Khởi, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Long Nguyên huyện Bến Cát, một xã có đến hơn 7.000ha đất nông nghiệp cho biết: “Người dân không mặn mà lắm với những loại cây trồng khác, gần như tập trung vào cây cao su. Đến mức, nhiều báo, đài có khuyến cáo không tốt về việc cây cao su dưới ruộng thấp, người dân vẫn cứ cố trồng rồi cải tạo đất, nạo vét mương

thoát nước và đem lại thu nhập kinh tế ổn định mấy năm qua” (Khánh Vinh, 2011).

Sự điều chỉnh cơ cấu cây công nghiệp phản ánh sự chuyển đổi cơ cấu sản xuất công nghiệp của Bình Dương⁽¹⁰⁾. Đồng thời, nó cũng phản ánh nguyên tắc giá trị trong sản xuất nông nghiệp, tức định hướng lợi ích phù hợp với nhu cầu thị trường, một xu thế tất yếu của bất kỳ ngành kinh tế nào trong quá trình đô thị hóa. Chính vì vậy, nông nghiệp thiếu tính ổn định, nhất là nông nghiệp tư nhân do dễ bị chi phối bởi lợi nhuận thị trường⁽¹¹⁾.

Tóm lại, dưới áp lực của quá trình đô thị hóa, cơ cấu nông nghiệp của Bình Dương chuyển biến theo hai xu hướng chính: thứ nhất, chú trọng các ngành sản xuất ít sử dụng đất, mang lại hiệu quả giá trị cao phù hợp với định hướng nông nghiệp hàng hóa dưới sự điều tiết của thị trường; thứ hai, thay thế dần các loại cây trồng hàng năm bằng cây trồng lâu năm, nhất là cây công nghiệp lâu năm (cao su), nhằm phát huy điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng cũng như phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của địa phương.

2.3. Sự phát triển của các mô hình nông nghiệp hiện đại

Bên cạnh việc tái cơ cấu, nông nghiệp Bình Dương đã có những chuyển hướng đột phá phù hợp với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Điển hình là sự hình thành các vùng chuyên canh, phát triển mô hình kinh tế trang trại và bước đầu hình thành mô hình nông nghiệp đô thị.

2.3.1. Vùng chuyên canh nông nghiệp

Các vùng chuyên canh được quy hoạch và đưa vào hoạt động từ đầu những năm 1990⁽¹²⁾ và không ngừng được mở rộng. Đây là mô hình nông nghiệp hiện đại phù hợp với yêu cầu chuyên môn hóa sản xuất và xu hướng tập trung hóa trong sản xuất nông nghiệp nhằm tranh thủ tối đa diện tích đất thừa cho sản xuất công nghiệp và đất ở. Đến năm 2002, Bình Dương đã bước đầu định hình 6 vùng chuyên canh nông nghiệp trọng điểm bao gồm: vùng chuyên canh cây cao su (120.276ha), vùng chuyên canh cây điều (13.205ha), vùng chuyên canh cây ăn trái (9.577ha), vùng chuyên canh lúa (14.640ha), vùng chuyên canh rau màu thực phẩm (5.750ha) và vùng chăn nuôi tập trung bò sữa, bò thịt, heo và gà (L. Cường, 2002). Trong chiến lược phát triển nông nghiệp đến năm 2020, Bình Dương sẽ tập trung “đầu tư phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày như cao su; cây ăn trái, rau đậu, cây kiêng và chăn nuôi đại gia súc và gia cầm” (Thủ tướng Chính phủ, 2007, tr. 5).

Các vùng chuyên canh nông nghiệp phân bố chủ yếu tại các huyện phía Bắc và một phần các huyện phía Nam - ven các khu công nghiệp và đô thị lớn⁽¹³⁾, phản ánh xu hướng tập trung hóa nông nghiệp, tạo quỹ đất cho công nghiệp hóa và đô thị hóa. Sự phổ biến của các vùng chuyên canh nông, lâm nghiệp, được cộng hưởng bởi những tiến bộ của khoa học kỹ thuật nông nghiệp, đã làm thay đổi dạng thức kinh tế nông nghiệp theo hướng “quý hồ tinh bất quý hồ đa”. Các vùng chuyên canh từng bước được cơ giới hóa, tăng cường chuyển giao kỹ thuật mới, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kỹ thuật mới, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ phục vụ nông thôn, góp phần quan trọng vào việc hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng cơ bản (điện - đường - trường - trạm).

2.3.2. Phát triển loại hình kinh tế trang trại nông nghiệp

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII năm 1993⁽¹⁴⁾, tỉnh Sông Bé đã khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư vào nông nghiệp⁽¹⁵⁾, làm cho kinh tế trang trại ra đời và tăng nhanh. Đến cuối năm 1996, Sông Bé có 2.359 trang trại⁽¹⁶⁾ với vốn đầu tư 150 tỷ đồng (Trần Văn Lợi, 2000, tr. 103). Sau khi được tái lập, tỉnh Bình Dương chú trọng tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển loại hình kinh tế này. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ VI xác định: “Tạo điều kiện phát triển loại hình kinh tế tiểu điền và kinh tế hộ

Biểu đồ 4. Số lượng trang trại Bình Dương (2000 - 2010)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam (2000 - 2010).

nông lâm nghiệp nông thôn...” (Đảng bộ tỉnh Bình Dương, 1997, tr. 48).

Kinh tế nông trại ở Bình Dương phát triển nhanh về số lượng, quy mô và chất lượng, đặc biệt từ sau Nghị quyết 03/2000/NQ-CP của Chính phủ về kinh tế trang trại với chủ trương khuyến khích phát triển và bảo hộ kinh tế trang trại⁽¹⁷⁾. Từ năm 1998 đến năm 2010, số lượng trang trại đã tăng hai lần (từ 989 lên 1.873) (Tổng cục Thống kê Việt Nam) (xem Biểu đồ 4).

Các nông trại có quy mô lớn tập trung chủ yếu ở bốn huyện phía Bắc là Phú Giáo, Bến Cát, Tân Uyên và Dầu Tiếng. Quy mô của trang trại cũng đa dạng, từ vài ha đến hàng chục ha cho đến các trang trại cả trăm ha. Loại hình nông trại Bình Dương tương đối đa dạng⁽¹⁸⁾. Tuy nhiên, dựa vào ưu thế sẵn có cùng với mục tiêu hướng đến thị trường, Bình Dương tập trung vào hai loại hình chủ yếu là trang trại trồng cây lâu năm (nhiều nhất là cây cao su) với 1.396 trang trại chiếm 74,5%, tiếp đến là trang trại chăn nuôi với 462 trang trại, chiếm 22,7% (Tổng cục

Thống kê Việt Nam, 2010), còn lại là các trang trại trồng cây hàng năm, cây ăn quả, nuôi trồng thủy hải sản.

Với những sản phẩm nông nghiệp phong phú và có chất lượng cao, nhiều trang trại đã xây dựng được cho mình thương hiệu và chỗ đứng trên thị trường⁽¹⁹⁾.

Sản phẩm của các

trang trại không chỉ đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân mà còn cung ứng một phần nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh⁽²⁰⁾. Các trang trại đã có sự liên kết chặt chẽ với công nghiệp chế biến, tạo ra sự ổn định trong việc tiêu thụ các sản phẩm.

Có thể xem kinh tế trang trại là “tế bào” của nông nghiệp thời hiện đại; là mô hình chuyên canh nông nghiệp thu nhỏ, tạo nên diện mạo hiện đại cho nền nông nghiệp tỉnh Bình Dương. Bên cạnh việc đem lại nguồn thu lớn và ổn định cho chủ thể kinh doanh⁽²¹⁾, kinh tế trang trại còn thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hóa nông thôn, bao gồm việc nâng cao giá trị nông sản, góp phần tích cực phát triển cơ sở hạ tầng, giải quyết tốt lao động nông thôn. Tổng số lao động thường xuyên được sử dụng trong trang trại là 8.098 lao động (2010), chiếm 6,6% tổng số lao động nông nghiệp.

Bên cạnh đó, mô hình kinh tế trang trại góp phần không nhỏ vào việc bảo vệ môi trường, cân bằng môi trường

sinh thái. Các trang trại nông nghiệp tập trung nhiều ở phía bắc Bình Dương đóng vai trò như “lá phổi” lọc bỏ khí thải công nghiệp từ các nhà máy, xí nghiệp ở vùng công nghiệp phía nam, góp phần vào việc cân bằng sinh thái môi trường của tỉnh trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

2.3.3. Nông nghiệp đô thị

Nông nghiệp đô thị xuất hiện trên địa bàn Bình Dương như một hình thái đặc biệt của kinh tế tiểu nông thời kỳ đô thị hóa, nhằm thích nghi với tình trạng đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, chủ yếu được tiến hành dưới dạng mô hình hộ kinh doanh cá thể, quy mô nhỏ. Tuy là loại hình kinh tế mới nhưng nông nghiệp đô thị đã nhanh chóng được phổ biến tại các huyện, thị của Bình Dương. Với các mô hình này, nông dân chú trọng ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất như chọn giống mới, xây dựng hệ thống tưới tự động,... Tuy chưa thể thay thế vai trò của nông nghiệp truyền thống, nhưng với những đặc trưng của mình, mô hình nông nghiệp này ngày càng chứng tỏ vai trò của mình trong đời sống kinh tế nông nghiệp hiện đại.

Diện tích nông nghiệp đô thị của Bình Dương đến năm 2014 vào khoảng 171,7ha (Cao Sơn, 2013, tr. 2), trong đó cây cảnh có diện tích 78,7ha, hoa lan 16,2ha, nấm và rau mầm 3,8ha, rau thủy canh và rau an toàn 73ha. Bên cạnh trồng trọt, toàn tỉnh có 433 hộ đầu tư chăn nuôi theo mô hình nông nghiệp đô thị với số lượng trên 247.000 con (Cao Sơn, 2013, tr. 1).

Sự xuất hiện ngày càng nhiều các cơ sở sản xuất nông nghiệp đô thị chứng tỏ nhận thức ngày càng rõ của nông dân Bình Dương về lợi ích mà loại hình kinh tế này mang lại⁽²²⁾. Thu nhập đem lại từ nông nghiệp đô thị tương đối khả quan. Một số mô hình trồng hoa lan, mai đem lại thu nhập từ 55 đến 80 triệu đồng/năm. Trên tất cả, nông nghiệp đô thị đã thay đổi nhận thức của người nông dân về kinh tế nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa. Ông N.T.L – một nông dân trồng mai, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương - nhận xét: “Không phải ở thành thị mình mất chất nông dân; quan trọng là mình phải biết áp dụng khoa học, chuyển đổi mô hình trồng trọt phù hợp”⁽²³⁾.

Tuy nhiên, hầu hết các mô hình nông nghiệp đô thị ở Bình Dương còn phân tán do các huyện, thị, thành phố chưa phân vùng quy hoạch để sản xuất, làm hạn chế đáng kể việc xây dựng thương hiệu cũng như tiêu thụ sản phẩm. Các mô hình mang tính định hướng nhằm chuyển giao nhân rộng từ nguồn vốn ngân sách vẫn chưa được triển khai. Công tác chuyển giao trong thời gian qua chủ yếu thông qua các mô hình trình diễn khuyến nông, khuyến ngư với quy mô nhỏ, vốn hỗ trợ thấp nên hiệu quả mang lại chưa cao. Các nguồn lực, đặc biệt là vốn, khoa học công nghệ, cán bộ chuyên môn và kỹ thuật có tay nghề để hỗ trợ chuyển giao khoa học công nghệ cho nông dân và doanh nghiệp vẫn còn thiếu và yếu. Nguồn lực các nông hộ có hạn nên sản xuất chủ yếu dựa vào

kinh nghiệm, nguồn đầu tư cho sản xuất còn hạn chế...

3. KẾT LUẬN

Từ những phân tích trên, có thể thấy quá trình đô thị hóa tác động mạnh mẽ đến cả chiều rộng (diện tích) và chiều sâu (cơ cấu) trong sự phát triển nông nghiệp Bình Dương. Áp lực chuyển đổi nhanh sang nền kinh tế mạnh về công - thương làm cho hoạt động sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp đáng kể. Tuy nhiên, những chuyển đổi nhanh chóng trong nông nghiệp phản ánh sự thích nghi kịp thời của ngành kinh tế này. Diện tích đất trồng giảm làm hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp; kinh tế thị trường đã thúc đẩy việc hiện đại hóa nông nghiệp thông qua mô hình kinh tế trang trại; nông thôn được đô thị hóa làm xuất hiện nông nghiệp đô thị. Bên cạnh đó, cơ cấu nông nghiệp cũng chuyển dịch tích cực theo hướng tập trung phục vụ cho sản xuất công nghiệp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người dân trong quá trình đô thị hóa. Tất cả những thay đổi đó góp phần tạo dựng “bộ mặt” mới cho nông

nghiệp của tỉnh Bình Dương.

Theo chiến lược phát triển hiện nay của tỉnh, kinh tế nông nghiệp phải “gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” (Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, 2014, tr. 1). Vì vậy, cần thực hiện đồng bộ các chiến lược: đô thị hóa, công nghiệp hóa và phát triển kinh tế nông nghiệp; đồng thời phải giải quyết một cách hợp lý những mâu thuẫn nảy sinh giữa các quá trình này để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nông nghiệp phát triển. Kinh tế nông nghiệp phải góp phần tạo dựng nền tảng vững chắc cho công nghiệp hóa và đô thị hóa, không chỉ hướng tới nhiệm vụ cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp hóa mà còn phải tạo ra được nguồn nông phẩm có chất lượng và số lượng ngày càng cao đáp ứng nhu cầu của người dân; qua đó, góp phần nâng cao giá trị của ngành nông nghiệp, cải thiện đời sống nông hộ, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hóa nông thôn. □

CHÚ THÍCH

(1) Tỷ lệ đất nông nghiệp năm 2005 của huyện Dầu Tiếng, Phú Giáo, Tân Uyên lần lượt là 86,8%, 87,6%, 84,9% (Tính toán theo Cục Thống kê Bình Dương, 2005, tr. 65, 107, 127).

(2) Năm 1986, Bình Dương có 183.077 lao động nông nghiệp trong tổng số 303.827 lao động (Cục Thống kê Bình Dương, 2000, tr. 23). Đến năm 2010, lao động nông nghiệp chỉ còn 121.865 người trong tổng số 1.039.621 lao động toàn tỉnh (Cục Thống kê Bình Dương, 2010, tr. 29).

(3) Trong số 121.865 lao động nông nghiệp năm 2010, có đến 110.265 người do địa phương quản lý (Cục Thống kê Bình Dương, 2010, tr. 29).

(4) Theo giá so sánh năm 2000. Theo giá thực tế năm 2009, chăn nuôi chiếm 27,7% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp (Cục Thống kê Bình Dương, 2010, tr. 103).

- (5) Từ năm 2005, số lượng gia cầm của tỉnh không ổn định qua từng năm do tác động của dịch cúm H5N1.
- (6) Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, đến năm 2010, diện tích trồng cây lương lượng có hạt của Bình Dương chỉ chiếm 2,8% (10,6 nghìn ha) trong tổng số 360,4 nghìn ha của Đông Nam Bộ. Sản lượng lương thực có hạt giai đoạn 2003 - 2010 của Bình Dương là 51,2 nghìn tấn, thấp hơn nhiều so với sản lượng toàn Đông Nam Bộ (1.694,1 nghìn tấn).
- (7) Từ năm 2006, nông nghiệp Bình Dương áp dụng chương trình “ba tăng ba giảm” vào việc trồng lúa. Trong đó, ba giảm gồm: giảm lượng lúa giống, giảm lượng phân đạm, giảm phun thuốc bảo vệ thực vật; ba tăng gồm: tăng năng suất lúa, tăng phẩm chất gạo, tăng thu nhập cho nông dân. Đồng thời thực hiện gieo trồng các giống lúa mới như MTL 250, OM 35 - 36, VND 95 - 20, VD 20, OM2717, IR 65610,...
- (8) Năm 2010, sản lượng lúa của Bình Dương đạt 37.900 tấn so với 68.900 tấn năm 1997 (Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 1997 và 2000).
- (9) Thậm chí cà phê gần như “biến mất” khi chỉ còn 4ha, giảm hơn 150 lần so với đỉnh cao 615ha năm 2000.
- (10) Đó là sự chuyển đổi từ các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm sang các ngành chế tạo sử dụng nhiều mùn cao su.
- (11) Giai đoạn từ 2011 đến nay, do giá cao su giảm, nhiều nông dân đã chặt bỏ cao su để chuyển sang cây trồng khác. Tuy nhiên tình trạng này diễn ra đối với các hộ có diện tích cao su lớn, có đất nhiều để đa dạng hóa cây trồng. Còn các hộ có diện tích cao su ít vẫn khai thác cầm chừng.
- (12) Điển hình là vùng chuyên canh sao su ở Bến Cát, Tân Uyên; vùng chăn nuôi đại gia súc ở Bến Cát; vùng cây ăn trái dọc theo sông Sài Gòn ở Thuận An và Thủ Dầu Một.
- (13) Xem thêm Nguyễn Thị Ngọc Anh, 2008, phần *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo lãnh thổ*.
- (14) Nghị quyết nhấn mạnh: “Kinh tế trang trại với các hình thức sở hữu khác nhau (nhà nước, tập thể và tư nhân) được phát triển chủ yếu để trồng cây dài ngày, chăn nuôi đại gia súc ở những nơi có nhiều ruộng đất, khuyến khích việc khai phá đất hoang vào mục đích này”.
- (15) Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ V khẳng định: “Sớm có chủ trương chính sách phù hợp, đi đôi với quy hoạch nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư sử dụng đất trống, đồi gò ở các huyện để trồng cây công nghiệp dài ngày và trồng rừng”, “Coi trọng và có chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình...”.
- (16) Được xác định bằng một trong các tiêu chí: Diện tích cây công nghiệp dài ngày trên 5ha/hộ; diện tích cây hàng năm và cây ăn quả 3ha/hộ; diện tích cây lâm nghiệp 10ha/hộ; chăn nuôi trâu, bò trên 100 con/hộ; chăn nuôi heo công nghiệp 200 con/hộ; chăn nuôi gà công nghiệp 5.000 con/hộ (Trần Văn Lợi, 2000, tr. 103).
- (17) Chủ trương này xuất phát từ vai trò quan trọng của kinh tế trang trại được xác định trong Nghị quyết là: “Hình thức tổ chức sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp, nông thôn, chủ yếu dựa vào hộ gia đình, nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản”.
- (18) Bao gồm trang trại cây hàng năm, trang trại cây lâu năm, trang trại cây ăn quả, trang

trại chăn nuôi, trang trại thủy sản, trang trại lâm nghiệp, trang trại nông - lâm kết hợp và trang trại kết hợp dịch vụ.

⁽¹⁹⁾ Một số mô hình quy mô có thể kể đến như khu Nông nghiệp công nghệ cao An Thái (xã An Thái, huyện Phú Giáo) với tổng diện tích 411,75ha trồng rau sạch, cây ăn quả, dược liệu...; trang trại chăn nuôi công nghệ cao Ba Huân (xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên) với diện tích 17,6ha, với quy mô 24.000 con gà giống, 401.000 con gà đẻ thương phẩm, cung ứng cho thị trường 200.000 quả trứng sạch/ngày; trang trại hoa lan Mai Hoàng Liên (xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng) diện tích 4ha, trồng và chăm sóc 750.000 chậu lan giống Dendrobium – tiên phong trong việc ứng dụng khoa học công nghệ vào trồng cây cảnh tại Bình Dương... (Hoàng Phạm, 2014).

⁽²⁰⁾ Như các trang trại cao su tiểu điền cung cấp cho các cơ sở chế biến mủ, các trang trại nuôi heo, bò sữa cung cấp cho các công ty chế biến thực phẩm,...

⁽²¹⁾ Tổng giá trị hàng hóa sản xuất - kinh doanh của trang trại là 715 tỷ đồng, bình quân doanh thu của một trang trại là 438 triệu đồng, bình quân trên 1ha là 39,6 triệu đồng. Đa số các trang trại đều có doanh thu ở mức dưới 400 triệu đồng/năm (chiếm 72%), một số trang trại đạt doanh thu trên 1 tỷ đồng/năm (9%). Sau khi trừ chi phí sản xuất - kinh doanh, tổng thu nhập của các chủ trang trại là 332 tỷ đồng, tính bình quân một chủ trang trại có thu nhập trên 200 triệu đồng/năm (Cao Sơn, 2010).

⁽²²⁾ Ở phường Hiệp An trước đây vốn là địa bàn thuần nông, trong quá trình đô thị hóa, diện tích nông nghiệp chỉ còn 166ha, không thể tiến hành trồng trọt theo hình thức quảng canh như trước, thay thế bằng hình thức luân canh. Thu hẹp diện tích trồng lúa, tăng diện tích hoa màu (12ha trồng cải, dền, dưa leo, khổ hoa, đậu đũa, củ kiệu,...) và các loại hoa kiểng (L. Thanh, 2013).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cao Sơn. 2010. *Kinh tế trang trại Bình Dương: Khẳng định ưu thế*. Báo Điện tử Bình Dương (<http://baobinhduong.vn>), ngày 01/6/2010.
2. Cao Sơn. 2013. *Xuất hiện nhiều mô hình nông nghiệp đô thị hiệu quả*. Báo Bình Dương, ngày 13/7/2013.
3. Cục Thống kê Bình Dương. 1996 - 2013. *Niên giám thống kê tỉnh Bình Dương*.
4. Đảng bộ tỉnh Bình Dương. 1998. *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ VI*. Bình Dương: Tài liệu lưu hành nội bộ.
5. Đảng Bộ tỉnh Sông Bé. 1986. *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần IV*. Sông Bé: Tài liệu lưu hành nội bộ.
6. Đảng Bộ tỉnh Sông Bé. 1991. *Văn Kiện Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Sông Bé lần thứ V*. Sông Bé: Tài liệu lưu hành nội bộ.
7. Đào Thế Anh, Đào Thế Tuấn, Lê Quốc Doanh. 2008. *Luận cứ khoa học của chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn: Hiện trạng và các yếu tố tác động ở Việt Nam*. Hà Nội: Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế Việt Nam học lần thứ ba.
8. Hoàng Phạm. *Sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao, nông nghiệp đô thị tại Bình Dương: Những mô hình ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp có hiệu quả cao*

trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Trung tâm Thông tin điện tử tỉnh Bình Dương (<http://binhduong.gov.vn>), ngày 23/6/2014.

9. Khánh Vinh. 2011. *Xã Long Nguyên (Bến Cát): Đi lên từ nông nghiệp bền vững*, <http://baobinhduong.gov.vn>, ngày 14/9/2011.

10. Nguyễn Thị Ngọc Anh. 2008. *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn tỉnh Bình Dương trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa*. Luận văn thạc sĩ Địa lý học. Trường Đại học Sư phạm TPHCM.

11. L. Cường. 2002. *Bình Dương có sáu vùng chuyên canh*. Báo Sài Gòn Giải phóng, ngày 09/4/2002.

12. L. Thanh. *Nông dân phường Hiệp An (TP. Thủ Dầu Một): Chuyển hướng phát triển nông nghiệp đô thị*. Báo Điện tử Bình Dương (<http://baobinhduong.vn>), ngày 5/1/2013.

13. Phạm Ngọc Côn. 1999. *Kinh tế học đô thị*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Kỹ thuật.

14. Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Sông Bé. 1992. *Địa lý địa phương Sông Bé*.

15. Thủ tướng Chính phủ. 2007. *Quyết định phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020"*. Số 81/2007/QĐ-TTg.

16. Trần Bạch Đằng (chủ biên). 1991. *Địa chí Sông Bé*. Sông Bé: Nxb. Tổng hợp Sông Bé.

17. Nguyễn Văn Hiệp. 2011. *Sự chuyển biến kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương 1945 - 1997*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.

18. Tổng cục Thống kê Việt Nam, <http://gso.gov.vn>.

19. Trần Văn Lợi. 2000. *Kinh tế trang trại tỉnh Bình Dương - Thực trạng và giải pháp phát triển*. Bình Dương: Ban Kinh tế Tỉnh ủy Bình Dương.

20. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. 2014. *Kế hoạch Đổi mới, phát triển các hình thức Tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2015 - 2020*. Số 4540/KH-UBND.

21. Võ Thị Thanh Hương. 2007. *Kinh tế trang trại Bình Dương: hiệu quả kinh tế và giải pháp phát triển*. Luận văn thạc sĩ Kinh tế. Trường Đại học Kinh tế TPHCM.